

Việt Nam nỗ lực thực hiện bình đẳng giới trong từng quyết sách

TS. TRẦN THỊ BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: tranbinh0607@gmail.com

Nhận ngày 21 tháng 5 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 9 năm 2025.

Tóm tắt: Bình đẳng giới là một trong những tiêu chí đánh giá sự phát triển của một xã hội; là một tiêu chí của dân chủ, công bằng, văn minh của quốc gia, nên đó không chỉ là mục tiêu quan trọng cần hướng đến của Việt Nam, mà là của tất cả các nước trên thế giới. Vì thế, trong từng quyết sách, Đảng và Nhà nước Việt Nam đều nỗ lực đảm bảo và thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới để quyền bình đẳng nam nữ được hiển hiện sinh động trong thực tiễn đời sống.

Từ khóa: Việt Nam; bình đẳng giới; dân chủ; công bằng; văn minh.

Abstract: Gender equality is one of the key criteria for assessing a society's development; it is also an indicator of democracy, fairness, and civility in a nation. Therefore, gender equality is not only an important goal for Vietnam to strive toward but also a shared objective for all countries worldwide. Accordingly, in every policy decision, the Party and State of Vietnam have made continuous efforts to ensure and promote gender equality so that the equal rights of men and women are vividly realized in social life.

Keywords: Vietnam; gender equality; democracy; fairness; civility.

1. Bình đẳng giới (quyền bình đẳng nam nữ) được hiến định, luật định

Bình đẳng giới là một phần quan trọng của xã hội dân chủ, công bằng. Bình đẳng giới góp phần đảm bảo mọi người, bất kể giới tính được đối xử công bằng và có cơ hội như nhau. Khoản 3, Điều 5, Luật Bình đẳng giới năm 2006 xác định: "Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó". Từ quan niệm này, các chính sách của Nhà nước luôn thể hiện sự cam kết việc thúc đẩy bình đẳng giới: "Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và hưởng thụ thành quả của sự phát triển" (Khoản 1, Điều 7) và "Mục tiêu bình đẳng giới là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ phát triển kinh tế - xã

hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình" (Điều 4, Theo Luật Bình đẳng giới năm 2006). Nhưng ở Việt Nam trước khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công thì không có nam nữ bình đẳng, mà chỉ có thực trạng người phụ nữ không chỉ phải chịu sự áp bức của thực dân Pháp; đó là "không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược, ngoài phố, trong nhà, giữa chợ, hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan lại cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga"⁽¹⁾, mà còn bị ràng buộc bởi sự khắc nghiệt của lễ giáo phong kiến: "Đàn bà phải quanh quẩn trong bếp. Trong xã hội và trong gia đình, người phụ nữ bị hạ thấp tột bậc và không được hưởng chút quyền gì"⁽²⁾. Thực sự "dưới chế độ phong kiến và thực dân, phụ nữ bị áp bức tàn tệ. Ngoài xã hội thì phụ nữ bị xem khinh như nô lệ. Ở gia đình thì họ bị kìm hãm trong xiềng

xích [tam tòng]⁽³⁾□

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đánh giá đúng vai trò, vị trí của phụ nữ trong xã hội, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, để đặt niềm tin vào họ [An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công]⁽⁴⁾ (Đường Kách mệnh, 1927) và cổ vũ họ [Nam nữ bình quyền] (Chánh cương vắn tắt của Đảng, 2/1930), mà còn khẳng định rằng: [Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội]⁽⁵⁾, cho nên làm cách mạng, tiến hành sự nghiệp giải phóng cao cả mà [nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa]⁽⁶⁾. Cũng vì thế, từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyền con người, quyền công dân nói chung, quyền bình đẳng của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội□ nói riêng đã được hiến định trong Hiến pháp; được quy định trong các bộ luật - cơ sở pháp lý để bảo đảm những quyền bình đẳng này đi vào thực tiễn cuộc sống.

Thực tế, quyền bình đẳng nam nữ được thể hiện rõ nét từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đến Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013. Cụ thể, Hiến pháp năm 1946 không chỉ [tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân]⁽⁷⁾, mà còn khẳng định [đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện] (Điều 9). Sự hiến định này đã góp phần phá tan xiềng xích tư tưởng [trọng nam khinh nữ] của chế độ phong kiến, chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam. Tiếp đó, Hiến pháp năm 1959 ghi rõ: [Phụ nữ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình. Cùng việc làm như nhau, phụ nữ được hưởng lương ngang với nam giới. Nhà nước bảo đảm cho phụ nữ công nhân và phụ nữ viên chức được nghỉ trước và sau khi đẻ mà vẫn hưởng nguyên lương. Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà

đờ ỉ, nhà giữ trẻ và vườn trẻ. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình] (Điều 24). Đây là những quy định không chỉ khẳng định phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, mà còn ghi nhận, đảm bảo vai trò của Nhà nước đối với phụ nữ.

Hiến pháp năm 1980 quy định: [Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật] (Điều 55) và [Công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp] (Điều 57)□ Điều này cho thấy văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất của Nhà nước đã không khẳng định quyền bình đẳng nam nữ trong chính trị, mà còn quy định đảm bảo sự bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, hôn nhân và gia đình (Điều 63, 64). Tiếp tục khẳng định bình đẳng giới, Hiến pháp năm 1992 quy định: [Công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật] (Điều 54) và [Công dân nam nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội và gia đình. Nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nam nữ làm việc như nhau thì được hưởng lương như nhau. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ về mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội] (Điều 63)□ Đặc biệt, đến Hiến pháp năm 2013, quyền bình đẳng nam nữ càng được thể hiện sâu sắc hơn, bảo đảm bình đẳng thực chất, triệt để xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nam nữ bình đẳng tiếp tục ghi nhận (Khoản 1, 2, Điều 16); bình đẳng trong kết hôn và ly hôn (Khoản 1, Điều 35); vai trò của Nhà nước, xã hội, gia đình trong việc bảo vệ phụ nữ và trẻ em: [Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội

và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26)...

Ở Việt Nam, bình đẳng giới không chỉ được hiến định trong các bản Hiến pháp mà còn được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật như: Luật Bình đẳng giới năm 2006; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 và năm 2022: [Chú trọng thay đổi hành vi của người có hành vi bạo lực gia đình, người thường xuyên có hành vi cổ xúy cho bạo lực, kỳ thị, phân biệt đối xử về giới, giới tính, định kiến giới (Khoản c, Điều 13); Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và 2014: [Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 23) □ Đồng thời, Việt Nam cũng đã tham gia các công ước quốc tế như Công ước về các quyền dân sự và chính trị 1966 (ICCPR); Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979 và là một trong 35 quốc gia đầu tiên ký tham gia Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) có hiệu lực thi hành từ 5/9/1981 □ để thực hiện và thúc đẩy quyền con người nói chung, bình đẳng giới nói riêng.

Thực tế, những năm qua Việt Nam đã liên tục bổ sung, hoàn thiện khung khổ pháp lý làm cơ sở giải quyết các vấn đề về bình đẳng giới; trong đó □ Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 2013, 7 bộ luật, 161 luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 15 pháp lệnh, trong đó có khoảng 45 bộ luật, luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; Chính phủ ban hành 1.413 nghị định; xem xét lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁸⁾. Đặc biệt, việc quy định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở phải ghi tên của cả chồng và vợ theo Luật Đất đai (2003, 2013) hay việc con gái cũng như con trai có quyền như nhau trong việc thừa kế tài sản của cha, mẹ (Khoản 1, 2, Điều 651, Bộ luật Dân sự 2015) □ cũng có ý nghĩa quan trọng để góp phần xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng giới,

bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong sở hữu nhà, đất. Cùng với đó, việc Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) được thông qua, có hiệu lực từ 1/7/2023 là một dấu mốc quan trọng, không chỉ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình, mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong việc hỗ trợ nạn nhân, đảm bảo quyền con người và thúc đẩy bình đẳng giới để mỗi người phụ nữ Việt Nam có thêm cơ hội, điều kiện khẳng định vị thế, vai trò, sự đóng góp của mình cho gia đình, cộng đồng, xã hội.

Từ những nội dung trên, có thể thấy, việc đảm bảo và thực hiện bình đẳng giới là một cuộc cách mạng to lớn, cần phải có sự vào cuộc của cả xã hội; phải được tiến hành thường xuyên, triệt để, mà □ vũ lực của cuộc cách mạng này là sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật. Phải cách mạng từng người, từng gia đình, đến toàn dân. Dù to và khó nhưng nhất định thành công⁽⁹⁾. Đảm bảo, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam được hiến định, luật định cho thấy việc xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ đã được Việt Nam thực hiện lồng ghép trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật. Đó chính là sự thật và sự thật này chứng minh rằng, Việt Nam không chỉ tôn trọng, mà còn bảo đảm các quyền bình đẳng, bình đẳng giới để tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện tốt vai trò người vợ, người mẹ, người công dân, người lao động của mình...

2. Bình đẳng giới đã trở thành hiện thực sinh động ở Việt Nam

Có một sự thật không thể phủ nhận là ở Việt Nam, bình đẳng giới không chỉ được hiến định trong Hiến pháp, hệ thống pháp luật, văn bản dưới luật mà còn được khẳng định trong Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; trong Nghị định số 48/2009/NĐ - CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong việc tham gia Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (Công ước CEDAW) mà Việt Nam đã ký kết đi liền

với việc nỗ lực hợp tác quốc tế trong thúc đẩy bình đẳng giới; trong Chỉ thị số 21 - CT/TW ngày 20/1/2018 của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020; trong Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030;□

Thực tế, Việt Nam không chỉ triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiều chương trình quan trọng, bảo đảm, thúc đẩy bình đẳng giới trong cả hệ thống chính trị để trao quyền cho phụ nữ; để mỗi người phụ nữ đều được giải phóng, đều được phát triển bản thân phù hợp điều kiện cụ thể của mình và có nhiều cơ hội đóng góp cho gia đình, cộng đồng, xã hội, mà còn góp phần đưa bình đẳng giới đi vào thực tiễn. Minh chứng là, □sau Đại hội Đảng các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cán bộ nữ tham gia cấp uỷ các cấp tăng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, tỷ lệ nữ ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ cấp tỉnh trung bình toàn quốc đạt 16%; có 61/63 tỉnh (trước khi sát nhập), thành phố có cán bộ nữ trong ban thường vụ. Trong Quốc hội, số lượng đại biểu nữ nhiệm kỳ khóa XV là 30,26%, tăng 3,54% so với khóa XIV (26,72%). Kết quả bầu cử hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 cũng ghi nhận sự tăng lên của các nữ đại biểu, trong đó tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh đạt 29% (so với 26,5% của nhiệm kỳ trước)□⁽¹⁰⁾. Hơn nữa, đến năm 2023, □Việt Nam đã tăng 11 bậc về bình đẳng giới so với năm 2022, từ thứ hạng 83 lên 72 trong số 146 nước tham gia xếp hạng, với 0,711 điểm trên thang điểm từ 0 đến 1 về chỉ số khoảng cách giới. Trong đó, đối với từng chỉ số cụ thể: Việt Nam xếp hạng 31 (74,9%) trong lĩnh vực kinh tế, hạng 89 trong lĩnh vực giáo dục (98,5%), hạng 144 trong lĩnh vực y tế (94,6%) và hạng 89 trong lĩnh vực chính trị (16,6%). Đây là một trong những kết quả thể hiện nỗ lực của Việt Nam nhằm nâng cao

vị thế phụ nữ trên lĩnh vực, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới□⁽¹¹⁾; đồng thời cũng chứng minh rằng, phụ nữ Việt Nam đã thực sự nhận thức rõ địa vị làm người chủ, nhiệm vụ người làm chủ nước nhà để vừa không quên vai trò, thiên chức của mình trong gia đình, vừa giải phóng mình khỏi tâm lý tự ti, đầu óc phụ thuộc và vươn lên làm tốt công tác xã hội, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đôi chiếu những con số □biết nói□nêu trên với Chương trình nghị sự 2030 (có 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua) ngày 25/9/2015⁽¹²⁾, thì có thể thấy mục tiêu thứ 5 (SDG 5: đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, với 6 chỉ tiêu cụ thể: 1) Chấm dứt phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái; 2) Xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với tất cả phụ nữ và trẻ em gái; 3) Xóa bỏ các tập tục có hại; 4) Công nhận việc chăm sóc và việc nhà không được trả công và khuyến khích chia sẻ trách nhiệm trong gia đình; 5) Đảm bảo phụ nữ tham gia đầy đủ, hiệu quả và có các cơ hội bình đẳng để nắm giữ các vị trí lãnh đạo ở tất cả các cấp ra quyết định về chính trị, kinh tế và trong cuộc sống; và 6) Đảm bảo tiếp cận phổ quát với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và quyền tình dục, sinh sản)⁽¹³⁾ của Chương trình này đã từng bước được hiện thực hóa sinh động ở Việt Nam. Đó chính là việc các cấp uỷ đảng, các chính quyền, ban, ngành đã không chỉ quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, mà còn chú trọng xây dựng chương trình, kế hoạch lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, cơ cấu, bố trí việc làm cho phụ nữ ở các cấp, các ngành phù hợp điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị (trên cơ sở căn cứ vào trình độ, kỹ năng nghề nghiệp để bố trí công tác phù hợp với sức khỏe, phẩm chất, khả năng của từng người). Việc số lượng cán bộ nữ được giao đảm nhiệm trọng trách (các chức danh chủ chốt) ở các cấp, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội□ ngày càng cao đã cho thấy nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và gia đình về vấn đề phải xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, định kiến

về giới đã có sự thay đổi từ nhận thức đến hành động. Điều đó cho thấy là Việt Nam duy trì sự uy tín khi là một quốc gia có tỷ lệ phụ nữ thụ hưởng sự bình đẳng theo luật pháp, phụ nữ tham gia lực lượng lao động và có khả năng tiếp cận cơ hội kinh tế tương đối cao, đồng thời sức khỏe ngày càng cải thiện và trình độ học vấn ngày càng cao hơn⁽¹⁴⁾.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại trong nhiều lĩnh vực. Thực tế, tỷ lệ nữ giới làm quản lý, lãnh đạo tuy đã được cải thiện, song vẫn còn thấp so với các vị trí quản lý, lãnh đạo nói chung, nhất là những vị trí quản lý cấp cao (trong khi nữ giới cần có khoảng thời gian nghỉ thai sản khá dài). Cùng với đó, những thành kiến đối với nữ giới vẫn còn, cho nên rủi ro mất việc đến với nữ giới thường nhiều hơn, nhanh hơn khi doanh nghiệp có nhu cầu cắt giảm nhân lực. Cũng không thể phủ nhận là, trong muôn mặt đời thường, nữ giới vẫn còn phải đối diện với bạo lực gia đình, vẫn là nạn nhân bị xâm hại, bị buôn bán, bóc lột tình dục nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, gây bất bình trong dư luận. Ở những địa bàn này, tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý các cấp không chỉ còn ít, mà vấn đề việc làm, dạy nghề, đào tạo nghề cho phụ nữ, giúp họ có cơ hội tiệm cận với lao động chất lượng cao cũng gặp không ít khó khăn (bởi tâm lý tự ti, sự mù chữ và tái mù chữ, tình trạng tảo hôn...). Những tồn tại này không chỉ là nỗi xót xa chung của cộng đồng; sự ngậm ngùi của nữ giới, mà còn là trở lực cho việc thực hiện, thúc đẩy bình đẳng giới và hoàn thành các mục tiêu tiến bộ xã hội của quốc gia...

Vì thế, để thực hiện thành công mục tiêu 5 (trong 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030) của Việt Nam là: đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái phát triển bền vững nguồn lực phụ nữ cũng như hoàn thành các chỉ tiêu: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030; giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030; tỷ lệ nữ

giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030 đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới phân đầu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng... như Nghị quyết số 28/NQ - CP ngày 3/3/2021 về Ban hành chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ đã nêu thì đòi hỏi sự quyết tâm cao cũng như những giải pháp hữu hiệu của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.

Theo đó, cùng với việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành về công tác phụ nữ trong thúc đẩy bình đẳng giới thì cần tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước và công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành về bình đẳng giới gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giới; xây dựng, củng cố Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực sự vững mạnh, phát huy hiệu quả hoạt động trong công tác vận động phụ nữ (cổ vũ, động viên, tạo thuận lợi) để phụ nữ từng bước vươn lên, ngày càng khẳng định vị thế của mình, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức Hội với các cơ quan hữu quan để tranh thủ các nguồn lực cần thiết gắn với thực hiện các giải pháp hữu hiệu để thu hẹp dần khoảng cách về giới; tạo điều kiện để phụ nữ được nâng cao trình độ nghề nghiệp, năng lực quản lý kinh tế, xã hội cũng như hỗ trợ làm kinh tế, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo; đẩy mạnh các chương trình chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em để phụ nữ, trẻ em được tiếp cận tốt nhất các dịch vụ y tế, giáo dục, việc làm cũng như giám sát có hiệu quả việc thực hiện các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Cùng với đó, các cơ quan chức năng cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới gắn với tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên môn của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực bình đẳng giới. Chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đi liền với việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách, bảo đảm tốt hơn quyền lợi chính đáng của phụ nữ, nhất là trong các lĩnh vực hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ - trẻ em, lao động - việc làm, giáo dục - đào tạo - dạy nghề, quan hệ dân sự, đất đai, môi trường, bảo hiểm xã hội. Đó chính là thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách. Đồng thời, tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; trong đó có đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho nhân dân về bình đẳng giới, để phụ nữ nhận thức rõ quyền lợi của bản thân, biết tự bảo vệ mình trước sự xâm hại, bạo hành; đưa nội dung về bình đẳng giới vào hệ thống giảng dạy chính thức ở các cấp học, góp phần phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cũng như tạo điều kiện để phụ nữ được phát triển thông qua quá trình xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc...

Một điều không thể thiếu là để bình đẳng giới đi vào thực tiễn cuộc sống, để bất bình đẳng giới không còn là "nỗi ngậm ngùi, chua xót", thì mỗi người phụ nữ Việt Nam "không nên ngồi chờ Chính phủ, chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình mà tự mình phải tự cường, phải đấu tranh"⁽¹⁵⁾; tự mình khắc phục khó khăn, nỗ lực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt và rèn luyện các kỹ năng cần thiết để không chỉ hiểu đúng, đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình, đảm bảo điều kiện thực

hiện tốt nhất vai trò người công dân, người lao động, người vợ, người mẹ, mà còn tham gia các hoạt động xã hội, góp phần xây dựng người phụ nữ Việt Nam hiện đại (có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo), thiết thực đáp ứng yêu cầu thời kỳ đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới. Đó chính là "kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu" như Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định./

(1), (2), (4) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.2, tr.114,512,315

(3) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, T.13, tr.523.

(5), (6) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.12, tr.300.

(7) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.4, tr.491.

(8) Lưu Ly, *Việt Nam đạt nhiều thành tựu về bình đẳng giới* xaydungdang.org.vn, ngày 31/3/2022.

(9) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.7, tr.342.

(10) Thu Uyên, *Việt Nam trong tiến trình thực hiện bình đẳng giới*, xaydungdang.org.vn, ngày 29/11/2023.

(11) Thu Hòa, *Thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam*, cososukien.vn, ngày 19/10/2023.

(12) Chương trình Nghị sự 2030 với 17 SDGs, bao gồm: 1) Xóa nghèo; 2) Xóa đói; 3) Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc; 4) Giáo dục chất lượng; 5) Bình đẳng giới; 6) Nước sạch và vệ sinh; 7) Năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy; 8) Tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững; 9) Công nghiệp, sáng tạo và hạ tầng; 10) Giảm bất bình đẳng; 11) Thành phố và cộng đồng bền vững; 12) Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm; 13) Bảo vệ hành tinh, ứng phó với biến đổi khí hậu; 14) Cuộc sống dưới nước; 15) Cuộc sống trên mặt đất; 16) Hòa bình và công lý; 17) Quan hệ đối tác toàn cầu.

(13), (15) Vấn đề bình đẳng giới trong Chương trình nghị sự về phát triển bền vững của Liên hợp quốc đến năm 2030, hoilhpn.org.vn, ngày 8/1/2016.

(14) Báo cáo tóm tắt tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam năm 2021.